

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ : *TRUYỀN THỐNG*

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Mở rộng, hệ thống hoá, tích cực hoá vốn từ gắn với chủ điểm *Nhớ nguồn*.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam ; Ca dao, dân ca Việt Nam* (cho GV – nếu có).

– Bút dạ và một số tờ phiếu khổ to để HS làm BT1 theo nhóm.

– *Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai* (nếu có) và một số tờ phiếu kẻ sẵn các ô chữ ở BT2 (mẫu trong SGK) để HS làm bài theo nhóm.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

HS đọc lại đoạn văn ngắn viết về tám gương hiếu học, có sử dụng biện pháp thay thế từ ngữ để liên kết câu ; chỉ rõ những từ ngữ được thay thế (BT3, tiết LTVC trước).

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Tiết mở rộng vốn từ hôm nay sẽ giúp các em biết thêm những câu tục ngữ, ca dao nói về những truyền thống quý báu của dân tộc.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của BT (đọc cả mẫu).

– GV chia lớp thành các nhóm, phát phiếu và bút dạ cho các nhóm thi làm bài ; nhắc HS : BT yêu cầu các em minh hoạ mỗi truyền thống đã nêu bằng 1 câu tục ngữ hoặc ca dao, nhóm nào tìm được nhiều hơn càng đáng khen.

– Các nhóm HS trao đổi, viết nhanh những câu tục ngữ, ca dao tìm được.

– Sau thời gian quy định, đại diện mỗi nhóm dán kết quả làm bài lên bảng, trình bày. Cả lớp và GV nhận xét, kết luận nhóm thắng cuộc – nhóm viết được nhiều câu, viết đúng và viết nhanh. (Lưu ý : Nếu có HS nêu thành ngữ, GV cũng chấp nhận.)

– HS làm bài vào vở – mỗi em viết ít nhất 4 câu tục ngữ hoặc ca dao minh hoạ cho 4 truyền thống đã nêu.

VD :

a) Yêu nước

- *Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.*
 - *Con ơi, con ngủ cho lành.*
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi
Muốn coi lên núi mà coi
Coi bà Triệu Ẩu cưỡi voi đánh công.
- ...

c) Đoàn kết

- *Khôn ngoan đối đáp người ngoài*
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
 - *Một cây làm chẳng nên non*
Ba cây chụm lại thành hòn núi cao.
 - *Bầu ơi thương lấy bí cùng*
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
 - *Nhiều điều phủ lấy giá gương*
Người trong một nước phải thương nhau cùng.
- ...

b) Lao động cần cù

- *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.*
 - *Có công mài sắt có ngày nên kim.*
 - *Có làm thì mới có ăn*
Không dưng ai dễ đem phần cho ai.
 - *Trên đồng cạn, dưới đồng sâu*
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.
 - *Cày đồng đang buổi ban trưa*
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.
- ...

d) Nhân ái

- *Thương người như thể thương thân.*
 - *Lá lành đùm lá rách.*
 - *Máu chảy ruột mềm.*
 - *Môi hở răng lạnh.*
 - *Anh em như thể tay chân*
Rách lành đùm bọc, khó khăn đỡ đần.
 - *Chị ngã, em nâng.*
 - *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.*
- ...

Bài tập 2

- Một HS đọc yêu cầu của bài tập, giải thích bằng cách phân tích mẫu (*cấu kiểu, khác giống*).

- Cả lớp đọc thầm lại nội dung BT.

- HS làm bài theo nhóm – các em đọc thầm từng câu tục ngữ, ca dao hoặc câu thơ, trao đổi, phỏng đoán chữ còn thiếu trong câu, điền chữ đó vào ô trống. GV phát phiếu và bút dạ cho các nhóm thi làm bài, giữ bí mật lời giải.

- Sau thời gian quy định, đại diện mỗi nhóm dán kết quả làm bài lên bảng lớp, đọc kết quả, giải ô chữ màu xanh. Cả lớp và GV nhận xét, kết luận nhóm thắng cuộc là nhóm giải ô chữ theo lời giải đúng : *Uống nước nhớ nguồn*.

- HS tiếp nối nhau đọc lại tất cả các câu tục ngữ, ca dao, câu thơ sau khi đã điền các tiếng hoàn chỉnh.

– Cả lớp làm bài vào ô chữ trong VBT theo lời giải đúng – ô chữ hình chữ S, màu xanh là : *Uống nước nhớ nguồn.*

1)		c	á	u	k	i	ê	u											
2)	k	h	á	c	g	i	ó	n	g										
3)			n	ú	i	n	g	ô	i										
4)		x	e	n	g	h	i	ê	n	g									
5)	t	h	ư	ơ	n	g	n	h	a	u									
6)		c	á	ư	ơ	n													
7)		n	h	ớ	k	è	c	h	o										
8)		n	ư	ớ	c	c	ò	n											
9)		l	ạ	c	h	n	à	o											
10)		v	ữ	n	g	n	h	ư	c	â	y								
11)					n	h	ớ	t	h	ư	ơ	n	g						
12)	t	h	ì	n	ê	n													
13)			ã	n	g	ạ	o												
14)				u	ố	n	c	â	y										
15)	c	ơ	đ	ồ															
16)			n	h	à	c	ó	n	ó	c									

3. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học.
- Yêu cầu mỗi HS về nhà thuộc ít nhất 10 câu tục ngữ, ca dao trong BT1, 2.